

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** A102
Môn thi: Kỹ năng đọc **Ca thi:** 8h00-9h00 **Ngày thi:** 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70235	20810830214	SV2233036	Bùi Văn	Anh	11/06/2002		
2	TA70236	20810430167	SV2233037	Đặng Thái	Anh	13/04/2002		
3	TA70237	20810810015	SV2233038	Hoàng Minh	Anh	13/02/2002		
4	TA70238	20810340224	SV2233039	Nguyễn Đức	Anh	26/04/2002		
5	TA70239	19810310291	SV2233040	Nguyễn Hải	Anh	24/11/2001		
6	TA70240	20810720002	SV2233041	Nguyễn Thị Phương	Anh	08/11/2002		
7	TA70241	21810230046	SV2233042	Phạm Đức	Anh	08/09/2003		
8	TA70242	19810000009	SV2233043	Trịnh Việt	Anh	12/10/2001		
9	TA70243	21810810198	SV2233044	Bùi Thị Ngọc	Ánh	07/10/2003		
10	TA70244	19810170136	SV2233045	Hoàng Công	Bảo	17/10/2001		
11	TA70245	20810160505	SV2233046	Kim Ngọc	Bảo	11/08/2002		
12	TA70246	20810810139	SV2233047	Lê Thị	Chang	12/11/2002		
13	TA70247	20810000370	SV2233048	Phạm Linh	Chi	25/06/2002		
14	TA70248	20810810092	SV2233049	Lê Gia	Chính	01/08/2002		
15	TA70249	20810430260	SV2233050	Nguyễn Thành	Công	12/09/2002		
16	TA70250	2162010024	SV2233051	Trịnh Kiên	Cường	10/01/1989		
17	TA70251	21810110165	SV2233052	Bùi Trịnh	Đạt	01/05/2003		
18	TA70252	19810310665	SV2233053	Nguyễn Thành	Đạt	22/04/2001		
19	TA70253	22810430357	SV2233054	Nguyễn Trọng	Đạt	16/05/2004		
20	TA70254	21810810197	SV2233055	Trịnh Thị Ngọc	Diệp	18/12/2003		
21	TA70255	20810720014	SV2233056	Vũ Đại	Đoàn	05/09/2002		
22	TA70256	20810410061	SV2233057	Nguyễn Mạnh	Đức	16/09/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Môn thi: Kỹ năng đọc

Phòng thi: A104

Ngày thi: 26/07/2024

Ca thi: 8h00-9h00

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70257	20810160452	SV2243058	Nguyễn Văn	Đức	20/07/2002		
2	TA70258	20810430297	SV2243059	Phạm Văn	Đức	21/08/2002		
3	TA70259	20810420026	SV2243060	Đỗ Trí	Dũng	02/04/2002		
4	TA70260	19810420034	SV2243061	Nguyễn Mạnh	Dũng	22/04/2001		
5	TA70261	19810310084	SV2243062	Vũ Mạnh	Dũng	14/03/2001		
6	TA70262	19810710074	SV2243063	Nguyễn Hoàng	Dương	17/07/2001		
7	TA70263	20810110175	SV2243064	Ngô Văn	Duy	13/03/2002		
8	TA70264	20810160520	SV2243065	Hồ Thị Hương	Giang	25/03/2002		
9	TA70265	20810310385	SV2243066	Nguyễn Quốc	Hà	20/09/2002		
10	TA70266	19810310325	SV2243067	Bùi Hoàng	Hải	03/09/2001		
11	TA70267	21810810200	SV2243068	Bùi Thị Thu	Hằng	24/11/2003		
12	TA70268	19810310147	SV2243069	Phan Doãn	Hào	09/04/2001		
13	TA70269	21810710143	SV2243070	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/10/2003		
14	TA70270	20810620039	SV2243071	Nguyễn Văn	Hiệp	20/07/2002		
15	TA70271	20810160531	SV2243072	Đỗ Trung	Hiếu	23/06/2002		
16	TA70272	20810830206	SV2243073	Nguyễn Trung	Hiếu	13/12/2002		
17	TA70273	19810310373	SV2243074	Vũ Minh	Hiếu	07/04/2001		
18	TA70274	20819110106	SV2243075	Đô Xuân	Hòa	24/01/2002		
19	TA70275	19810310086	SV2243076	Trần Việt	Hoàn	20/06/2001		
20	TA70276	20810000243	SV2243077	Nguyễn Minh	Hoàng	19/02/2002		
21	TA70277	21810810317	SV2243078	Phạm Thị Mai	Hồng	19/08/2003		
22	TA70278	20810810101	SV2243079	Nguyễn Thị Kim	Huế	17/12/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** A107
Môn thi: Kỹ năng đọc **Ca thi:** 8h00-9h00 **Ngày thi:** 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70279	20810420046	SV2253080	Nguyễn Mạnh	Hùng	29/04/2002		
2	TA70280	19810550168	SV2253081	Nguyễn Văn	Hưng	09/05/2001		
3	TA70281	20810540031	SV2253082	Dương Gia	Huy	22/06/2002		
4	TA70282	19810310025	SV2253083	Nguyễn Đức	Huy	06/05/2001		
5	TA70283	20810430264	SV2253084	Trần Quang	Huy	11/03/2002		
6	TA70284	20810000059	SV2253085	Ngô Thanh	Huyền	19/07/2002		
7	TA70285	21810850377	SV2253086	Nguyễn Thu	Huyền	28/05/2003		
8	TA70286	20810430219	SV2253087	Nông Thạch	Huỳnh	25/06/2002		
9	TA70287	20810170383	SV2253088	Nguyễn Đăng	Khôi	20/02/2002		
10	TA70288	20810110184	SV2253089	Đỗ Trung	Kiên	19/02/2002		
11	TA70289	20810110290	SV2253090	Nguyễn Văn	Lâm	14/10/2002		
12	TA70290	20810310371	SV2253091	Phùng Thị Phương	Lan	01/11/2001		
13	TA70291	20810000500	SV2253092	Nguyễn Thị	Lành	12/08/2002		
14	TA70292	19810170330	SV2253093	Mai Hữu Nhất	Linh	28/11/2001		
15	TA70293	19810000016	SV2253094	Nguyễn Thị Kiều	Linh	05/03/2001		
16	TA70294	19810510012	SV2253095	Nguyễn Văn	Linh	14/08/2001		
17	TA70295	2162010031	SV2253096	Doãn Thị	Loan	05/01/1992		
18	TA70296	18810310208	SV2253097	Nguyễn Hiệp	Lộc	02/08/2000		
19	TA70297	20810850008	SV2253098	Đổng Trọng	Long	13/02/2002		
20	TA70298	19810310054	SV2253099	Nguyễn Duy	Long	09/05/2001		
21	TA70299	20810160558	SV2253100	Phạm Quang	Long	14/10/2002		
22	TA70300	20810000144	SV2253101	Nguyễn Thảo	Ly	06/10/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** A108
Môn thi: Kỹ năng đọc **Ca thi:** 8h00-9h00 **Ngày thi:** 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70301	20810810153	SV2263102	Nguyễn Ngọc	Mai	14/07/2002		
2	TA70302	19810110356	SV2263103	Lê Bình	Minh	20/10/2001		
3	TA70303	20810430237	SV2263104	Nguyễn Quang	Minh	16/07/2002		
4	TA70304	18810310343	SV2263105	Trần Đức	Minh	30/12/2000		
5	TA70305	18810420241	SV2263106	Đinh Hoài	Nam	26/11/2000		
6	TA70306	20810000364	SV2263107	Ngô Thanh	Nga	03/04/2002		
7	TA70307	21810810307	SV2263108	Ngô Thị Minh	Ngọc	02/08/2003		
8	TA70308	20810850035	SV2263109	Đỗ Yên	Nhi	05/06/2002		
9	TA70309	20810000310	SV2263110	Chu Thị Hồng	Nhung	22/08/2002		
10	TA70310	19810710009	SV2263111	Lê Hồng	Phong	25/05/2001		
11	TA70311	19810310142	SV2263112	Trần Lệnh	Phú	15/04/2001		
12	TA70312	20810110152	SV2263113	Đoàn Anh	Phương	11/11/2002		
13	TA70313	22810860090	SV2263114	Trần Ngọc Anh	Phương	06/11/2003		
14	TA70314	20810310037	SV2263115	Mai Hồng	Quân	11/03/2002		
15	TA70315	19810310596	SV2263116	Nguyễn Minh	Quân	28/12/2001		
16	TA70316	20810230055	SV2263117	Lê Minh	Quang	08/10/2002		
17	TA70317	20810230083	SV2263118	Trần Tất	Quang	21/03/2002		
18	TA70318	19810430011	SV2263119	Trần Anh	Quốc	01/04/2001		
19	TA70319	2162010037	SV2263120	Trần Thị Hồng	Quỳnh	24/06/1980		
20	TA70320	19810110011	SV2263121	Vũ Tiến	Tài	04/04/2001		
21	TA70321	20810110174	SV2263122	Đoàn Quốc	Thái	20/10/2002		
22	TA70322	2162010045	SV2263123	Lê Văn	Thắng	10/04/1992		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: AB101

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h00-9h00

Ngày thi: 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70323	20810160532	SV2273124	Vũ Chiến	Thắng	30/04/2002		
2	TA70324	20810420044	SV2273125	Chu Tuấn	Thành	05/03/2002		
3	TA70325	20810710246	SV2273126	Ngô Đức	Thành	02/11/2002		
4	TA70326	19810430032	SV2273127	Nguyễn Trí	Thành	09/09/2001		
5	TA70327	19810710062	SV2273128	Đỗ Phương	Thảo	10/02/2001		
6	TA70328	18810000137	SV2273129	Nguyễn Đức	Thiem	21/10/1999		
7	TA70329	19810310667	SV2273130	Trần Văn	Thịnh	22/12/2001		
8	TA70330	20810810110	SV2273131	Nguyễn Thị	Thúy	08/10/2002		
9	TA70331	22810260150	SV2273132	Hoàng Thuỷ	Tiên	19/07/2003		
10	TA70332	20810850065	SV2273133	Lê Thanh	Trà	21/01/2002		
11	TA70333	21810850376	SV2273134	Lê Thanh	Trang	15/09/2003		
12	TA70334	20810850050	SV2273135	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/05/2002		
13	TA70335	20810810112	SV2273136	Thân Phương	Trang	01/04/2002		
14	TA70336	20810850027	SV2273137	Trần Đức	Triều	10/02/2002		
15	TA70337	20810430393	SV2273138	Nguyễn Thanh	Trúc	23/09/2002		
16	TA70338	20810430193	SV2273139	Trần Quang	Trường	10/10/2002		
17	TA70339	19810610086	SV2273140	Phạm Đức	Tuân	14/05/2001		
18	TA70340	20810310487	SV2273141	Đặng Minh	Tuân	22/05/2002		
19	TA70341	19810310227	SV2273142	Phạm Anh	Tuân	11/01/2001		
20	TA70342	18810310104	SV2273143	Trần Ngọc	Tuân	18/07/2000		
21	TA70343	18810640002	SV2273144	Bạch Tiên	Tùng	28/08/2000		
22	TA70344	20810430262	SV2273145	Vũ Gia	Tùng	20/07/2002		
23	TA70345	20810170348	SV2273146	Đỗ Quang	Ty	19/12/2001		
24	TA70346	20810310483	SV2273147	Lê Tuấn	Vũ	25/01/2002		
25	TA70347	19810310453	SV2273148	Trần Đình Minh	Vương	17/10/2001		
26	TA70348	18810810250	SV2273149	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	20/02/2000		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Môn thi: Kỹ năng đọc

Phòng thi: A102

Ngày thi: 26/07/2024

Ca thi: 9h45-10h45

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70349	20810830183	SV2283150	Cần Thị Lan	Anh	16/11/2002		
2	TA70350	21810860435	SV2283151	Đào Thị Ngọc	Anh	16/02/2003		
3	TA70351	20810430371	SV2283152	Lê Hoàng	Anh	22/09/2002		
4	TA70352	20810720013	SV2283153	Nguyễn Hà Đức	Anh	22/02/2001		
5	TA70353	20810830234	SV2283154	Nguyễn Hải	Anh	15/04/2002		
6	TA70354	20810160511	SV2283155	Nguyễn Việt	Anh	21/11/2002		
7	TA70355	20810110200	SV2283156	Phạm Tùng	Anh	19/09/2002		
8	TA70356	20810430330	SV2283157	Trương Quỳnh	Anh	18/12/2002		
9	TA70357	21810230481	SV2283158	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	10/06/2003		
10	TA70358	20810420050	SV2283159	Đinh Gia	Bảo	19/07/2002		
11	TA70359	20810000412	SV2283160	Hoàng Hiếu	Bình	25/08/2002		
12	TA70360	21810810056	SV2283161	Nguyễn Quỳnh	Chi	08/07/2003		
13	TA70361	18810310164	SV2283162	Trần Minh	Chiến	29/05/2000		
14	TA70362	20810110208	SV2283163	Phạm Công	Chức	19/10/2002		
15	TA70363	19810540121	SV2283164	Phạm Biên	Cương	16/08/2001		
16	TA70364	20810410110	SV2283165	Lê Đức Minh	Danh	20/02/2002		
17	TA70365	20810420084	SV2283166	Lê Thành	Đạt	13/10/2002		
18	TA70366	21810710441	SV2283167	Nguyễn Thành	Đạt	10/02/2003		
19	TA70367	20810310468	SV2283168	Phạm Trí	Đạt	01/10/2002		
20	TA70368	20810000384	SV2283169	Nguyễn Thu	Điệp	30/03/2002		
21	TA70369	20810420116	SV2283170	Lê Minh	Đức	05/12/2002		
22	TA70370	19810110046	SV2283171	Nguyễn Tài	Đức	13/05/2001		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)
Môn thi: Kỹ năng đọc

Phòng thi: A104
Ngày thi: 26/07/2024

Ca thi: 9h45-10h45

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70371	19810430019	SV2293172	Phạm Hoàng Anh	Đức	20/09/2001		
2	TA70372	2162010027	SV2293173	Nguyễn Thị Thanh	Dung	02/11/1991		
3	TA70373	19810310501	SV2293174	Lê Tuấn	Dũng	02/11/2001		
4	TA70374	21810410080	SV2293175	Nguyễn Trọng	Dũng	21/10/2003		
5	TA70375	20810830205	SV2293176	Hàn Thị Thùy	Dương	07/11/2002		
6	TA70376	20810160491	SV2293177	Đào Khánh	Duy	03/02/2002		
7	TA70377	19810620051	SV2293178	Nguyễn Văn	Duy	17/04/2001		
8	TA70378	21810850418	SV2293179	Nguyễn Thị	Giang	04/01/2003		
9	TA70379	20810810060	SV2293180	Phạm Thu	Hà	25/12/2002		
10	TA70380	19810430049	SV2293181	Đặng Tiến	Hải	23/10/2001		
11	TA70381	21810230463	SV2293182	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	03/09/2003		
12	TA70382	22819120020	SV2293183	Nguyễn Hải	Hậu	07/10/2004		
13	TA70383	20810410083	SV2293184	Lê Tuấn	Hiệp	17/09/2002		
14	TA70384	Thí sinh dự thi	SV2293185	Bùi Đình	Hiếu	10/06/1989		
15	TA70385	20810430375	SV2293186	Nguyễn Đình	Hiếu	28/01/2002		
16	TA70386	20810840021	SV2293187	Nguyễn Trung	Hiếu	30/11/2002		
17	TA70387	19810110188	SV2293188	Nguyễn Văn	Hiệu	01/01/2001		
18	TA70388	20810420016	SV2293189	Phan Văn	Hòa	06/09/2002		
19	TA70389	19810310257	SV2293190	Dương Việt	Hoàng	20/09/2001		
20	TA70390	20810000358	SV2293191	Phạm Việt	Hoàng	04/02/2002		
21	TA70391	20810230112	SV2293192	Vũ Minh	Huân	23/10/2002		
22	TA70392	20810710209	SV2293193	Vũ Thanh	Huế	21/08/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** A107
Môn thi: Kỹ năng đọc **Ca thi:** 9h45-10h45 **Ngày thi:** 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70393	20810110198	SV2303194	Đặng Mạnh	Hưng	16/10/2002		
2	TA70394	19810310119	SV2303195	Phan Đình	Hưng	08/11/2001		
3	TA70395	22810540295	SV2303196	Nguyễn Đình	Huy	12/07/2004		
4	TA70396	20810160555	SV2303197	Nguyễn Quang	Huy	02/09/2002		
5	TA70397	19810310332	SV2303198	Trần Quang	Huy	15/07/2001		
6	TA70398	20810000178	SV2303199	Nguyễn Thị	Huyền	12/12/2002		
7	TA70399	19810710024	SV2303200	Phạm Khánh	Huyền	11/09/2001		
8	TA70400	20810160500	SV2303201	Đỗ Đức	Khánh	16/03/2002		
9	TA70401	2162010030	SV2303202	Vũ Duy	Khôi	21/03/1996		
10	TA70402	19810420272	SV2303203	Lê Trung	Kiên	13/07/2001		
11	TA70403	19810110381	SV2303204	Vũ Tùng	Lâm	22/06/2001		
12	TA70404	19810310337	SV2303205	Trần Quốc	Lân	26/04/2001		
13	TA70405	20810820052	SV2303206	Đoàn Hương	Lệ	09/06/2002		
14	TA70406	21810830233	SV2303207	Nguyễn Thị	Linh	29/10/2002		
15	TA70407	20810850005	SV2303208	Nguyễn Thùy	Linh	30/12/2001		
16	TA70408	21810850388	SV2303209	Trần Thị Khánh	Linh	07/06/2003		
17	TA70409	20810810117	SV2303210	Vũ Thị	Loan	03/06/2002		
18	TA70410	18810340068	SV2303211	Nguyễn Thành	Lộc	06/11/2000		
19	TA70411	20810810157	SV2303212	Lê Thành	Long	10/01/2002		
20	TA70412	20810620044	SV2303213	Nguyễn Văn	Long	29/03/2002		
21	TA70413	20810830225	SV2303214	Nguyễn Ngọc	Luân	19/11/2002		
22	TA70414	20810000141	SV2303215	Đào Thị Hồng	Lý	08/10/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Môn thi: Kỹ năng đọc

Phòng thi: A108

Ngày thi: 26/07/2024

Ca thi: 9h45-10h45

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70415	20810420107	SV2313216	Hoàng Tiến	Mạnh	22/04/2002		
2	TA70416	20810430152	SV2313217	Lương Đức	Minh	16/03/2002		
3	TA70417	21810710153	SV2313218	Nguyễn Quang	Minh	03/09/2003		
4	TA70418	20810110147	SV2313219	Trương Xuân	Minh	01/03/2002		
5	TA70419	20810430238	SV2313220	Nguyễn Tài	Năng	16/03/2024		
6	TA70420	20810810182	SV2313221	Nguyễn Thị	Ngân	21/08/2002		
7	TA70421	20810830210	SV2313222	Nguyễn Quỳnh	Ngọc	26/05/2002		
8	TA70422	20810850049	SV2313223	Trần Linh	Nhi	26/08/2002		
9	TA70423	20810830201	SV2313224	Phan Hồng	Nhung	24/07/2002		
10	TA70424	19810230072	SV2313225	Nguyễn Hữu	Phong	03/03/2001		
11	TA70425	19810430201	SV2313226	Mạc Duy	Phúc	15/11/2001		
12	TA70426	20810850043	SV2313227	Nguyễn Thị	Phương	28/11/2002		
13	TA70427	20810110179	SV2313228	Đặng Anh	Quân	19/05/2002		
14	TA70428	20810000065	SV2313229	Mai Trần Trung	Quân	10/11/2002		
15	TA70429	19810310353	SV2313230	Trịnh Anh	Quân	06/08/2001		
16	TA70430	19810310323	SV2313231	Ngô Xuân	Quang	12/05/2001		
17	TA70431	20810710255	SV2313232	Trịnh Minh	Quang	22/12/2002		
18	TA70432	20810160476	SV2313233	Phạm Minh	Quyết	11/06/2002		
19	TA70433	19810230034	SV2313234	Nguyễn Vũ Trường	Sơn	25/01/2001		
20	TA70434	19810420291	SV2313235	Vũ Công	Tân	19/05/2001		
21	TA70435	19810110138	SV2313236	Lê Minh	Thắng	27/05/2001		
22	TA70436	19810310385	SV2313237	Lưu Quang	Thắng	03/11/2001		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** AB101
Môn thi: Kỹ năng đọc **Ca thi:** 9h45-10h45 **Ngày thi:** 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA70437	21810440687	SV2323238	Lê Đức	Thanh	06/08/2003		
2	TA70438	19810310092	SV2323239	Khổng Trung	Thành	10/04/2001		
3	TA70439	20810110167	SV2323240	Nguyễn Đại	Thành	12/03/2002		
4	TA70440	19810310333	SV2323241	Phạm Xuân	Thành	28/10/1998		
5	TA70441	18810340008	SV2323242	Lê Thu	Thảo	26/08/2000		
6	TA70442	20810110206	SV2323243	Nguyễn Huy Hoài	Thịnh	21/01/2002		
7	TA70443	19810230056	SV2323244	Trần Văn	Thịnh	28/07/2000		
8	TA70444	19810310554	SV2323245	Trần Thị	Thùy	24/10/2001		
9	TA70445	19810230008	SV2323246	Nguyễn Văn	Tiến	01/01/2001		
10	TA70446	20810830190	SV2323247	Lê Thị Bảo	Trân	17/09/2002		
11	TA70447	20810340211	SV2323248	Lê Thị Thùy	Trang	15/03/2002		
12	TA70448	22810810090	SV2323249	Nguyễn Thị Thùy	Trang	11/06/2004		
13	TA70449	20810820015	SV2323250	Từ Hà	Trang	07/01/2002		
14	TA70450	20810830186	SV2323251	Đàm Kiều	Trình	03/06/2002		
15	TA70451	20810710181	SV2323252	Vũ Việt	Trung	11/04/2002		
16	TA70452	21810230510	SV2323253	Nguyễn Phước	Tú	05/10/2003		
17	TA70453	20810110155	SV2323254	Phùng Anh	Tuân	06/06/2002		
18	TA70454	20810110207	SV2323255	Nguyễn Anh	Tuấn	13/01/2002		
19	TA70455	21810620007	SV2323256	Phạm Minh	Tuấn	27/06/2003		
20	TA70456	20810110162	SV2323257	Trịnh Duy Anh	Tuấn	10/09/2002		
21	TA70457	20810230105	SV2323258	Đinh Lâm	Tùng	24/05/2002		
22	TA70458	19810310287	SV2323259	Phan Trọng	Tuyên	02/08/2001		
23	TA70459	20810000375	SV2323260	Chu Mỹ	Uyên	01/08/2002		
24	TA70460	18810310326	SV2323261	Lê Văn	Vương	16/12/2000		
25	TA70461	19810310085	SV2323262	Mai Việt	Vương	07/07/2001		
26	TA70462	20810430275	SV2323263	Nguyễn Văn	Xuân	07/10/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)